

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/DS - ST
Ngày: 30 - 10 - 2019.
V/v yêu cầu quyền về lỗi đi qua.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST - DS, ngày 09/3/2018 về việc yêu cầu quyền về lỗi đi qua, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2019/QĐXXST - DS, ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1960 (có mặt); anh Lê Thanh P, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Thanh H ủy quyền cho anh Lê Thanh P sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1964 (đã chết ngày 31/7/2018); bà Bò Thị N, sinh năm 1964 (có mặt); chị Dương Thị V, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Dương Văn Đ: Bà Bò Thị N, sinh năm 1964, chị Dương Thị V, sinh năm 1986, anh Dương Văn N, sinh năm 1984 (có mặt), cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre; chị Dương Thị H, sinh năm 1987 (có mặt), địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn N, sinh năm 1984 (có mặt); địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/6/2019 của các nguyên đơn ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim T, anh Lê Thanh P và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim T, anh Lê Thanh P trình bày: Gia đình các nguyên đơn có quyền sử dụng đất thuộc thửa X tờ bản đồ số XX tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, trên đất có nhà ở đã tồn tại từ năm 1990 đến nay. Từ đất, nhà các nguyên đơn muốn đi ra lộ công cộng phải đi qua đất của hộ ông Dương Văn Đ (hiện nay ông Đ đã chết, hàng thừa kế của ông Đ gồm các bị đơn là bà Bò Thị N, anh Dương Văn N, chị Dương Thị V, chị Dương Thị H) thuộc thửa đất Y tờ bản đồ số XX tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, các nguyên đơn đã đi trên lối đi này từ khoảng năm 1982 đến nay. Năm 2017 ông Đ, anh N và bà N đã rào phần đường đi không cho các nguyên đơn đi nữa, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần không thành. Nay các nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải mở lối đi có diện tích 77,5m² thuộc một phần thửa Y tờ bản đồ số XX tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre để các nguyên đơn làm lối đi ra lộ công cộng, hiện nay các nguyên đơn đang đi trên phần đất của bà Võ Thị Huỳnh M, ông Lê Văn N, ông Trương Văn Đ, ông Lê Văn L để ra lộ công cộng nhưng phần lối đi này có chiều dài quá xa so với lối đi yêu cầu mở và những chủ đất nêu trên cũng chỉ cho đi tạm, các nguyên đơn đồng ý bồi thường giá trị đất và tài sản trên đất như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và thống nhất với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nêu trên.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bò Thị N, anh Dương Văn N, chị Dương Thị V, chị Dương Thị H trình bày: Phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Văn Đ (hộ ông Đ gồm có ông Đ, bà Bò Thị N, chị Dương Thị V), đến năm 2006 cấp đổi lại đứng tên ông Dương Văn Đ và bà Bò Thị N, ông Dương Văn Đ chết năm 2018, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm có vợ là bà Bò Thị N, các con là anh Dương Văn N, chị Dương Thị V, chị Dương Thị H, cha mẹ ông Đ đã chết trước ông Đ, hiện nay bà N và anh N đang quản lý sử dụng phần đất này. Trước đây các bị đơn có cho các nguyên đơn lối đi tạm qua phần đất này để ra lộ công cộng nhưng sau này do sử dụng đất để chăn nuôi nên không thể cho đi nữa. Nay các bị đơn không đồng ý mở lối đi theo như yêu cầu của các nguyên đơn, ngoài lối đi này các nguyên đơn còn có lối đi khác là đi qua phần đất của bà Võ Thị Huỳnh M, ông Lê Văn N, Trương Văn Đ, Lê Văn L để ra lộ công cộng như Tòa án đã tiến hành thẩm định. Các bị đơn không có ý kiến đối với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định và định giá do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại phiên tòa ông Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội

dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 171 Luật Đất đai, Điều 254 Bộ luật Dân sự bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Gia đình các nguyên đơn ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim T, anh Lê Thanh P có quyền sử dụng đất thửa X tờ bản đồ số XX tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, trên đất có nhà ở. Phần đất các nguyên đơn bị bao bọc bởi bất động sản của các chủ sử dụng khác nên không có lối đi trực tiếp để ra đến lộ công cộng. Do có yêu cầu về lối đi để ra lộ công cộng nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hộ ông Dương Văn Đ phải mở lối đi có diện tích 77,5m² thuộc một phần thửa Y tờ bản đồ số XX tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đối với vụ án là “Yêu cầu quyền về lối đi qua” được quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Phần đất yêu cầu mở lối đi tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[2] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim T, anh Lê Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu các bị đơn phải mở lối đi có diện tích 77,5m² thuộc một phần thửa Y tờ bản đồ số XX tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, đối với bà Bò Thị N, anh Dương Văn N, chị Dương Thị V, chị Dương Thị H cho rằng hiện nay các nguyên đơn vẫn còn lối đi khác để ra lộ công cộng nên không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của các nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thì phần đất thửa X của các nguyên đơn muốn ra lộ công cộng có 02 lối đi, thứ nhất là lối đi các nguyên đơn yêu cầu mở qua thửa đất Y, thứ hai là lối đi qua phần đất hiện nay đã có con đường mòn sử dụng làm lối đi của bà Võ Thị Huỳnh M, ông Trương Văn Đ, ông Lê Văn L và ông Lê Văn N, từ khi phía bị đơn không cho đi qua thửa Y thì các nguyên đơn đi qua phần đất thứ hai này để ra lộ công cộng, qua lấy ý kiến của các chủ sử dụng đất là bà Võ Thị Huỳnh M, ông Trương Văn Đ, ông Lê Văn L và ông Lê Văn N thì các chủ đất này đều trình bày trên đất của họ có con đường mòn sử dụng làm lối đi chung của các hộ dân và những chủ đất này vẫn đồng ý cho gia đình các nguyên đơn đi trên con đường mòn thuộc phần đất của họ để ra lộ công cộng và các nguyên đơn cũng thừa nhận từ khi các bị đơn không cho đi qua thửa đất Y thì các nguyên đơn đã sử dụng lối đi này để ra lộ công cộng cho đến nay. Do đó có căn cứ để xác định ngoài lối đi yêu cầu mở qua phần đất của các bị đơn thì hiện nay các nguyên đơn vẫn còn lối đi để ra lộ công cộng. Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự thì “Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ”, đối chiếu với trường hợp của các nguyên đơn thì hiện nay ngoài lối đi yêu cầu mở qua phần đất

của bị đơn thì các nguyên đơn đã có lối đi khác để ra đường công cộng nên yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do yêu cầu không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[4] Căn cứ vào Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.318.000 đồng đã nộp xong.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án mà ông Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 171 Luật Đất đai năm 2013; Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim T, anh Lê Thanh P về việc yêu cầu ông Dương Văn Đ (đã chết năm 2018, do bà Bò Thị N, anh Dương Văn N, chị Dương Thị V, chị Dương Thị H kế thừa quyền và nghĩa vụ), bà Bò Thị N, anh Dương Văn N, chị Dương Thị V, chị Dương Thị H phải mở lối đi có diện tích 77,5m² thuộc một phần thửa Y tờ bản đồ số XX tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (phần đất có tứ cận: Phía Bắc giáp phần còn lại thửa Y dài 46,54 mét, phía Nam giáp phần còn lại thửa Y dài 46,62 mét, phía Đông giáp thửa A dài 1,64 mét, phía Tây giáp phần còn lại thửa Y dài 1,70 mét).

Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch buộc ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim T, anh Lê Thanh P phải liên đới nộp số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

Hoàn trả cho ông Lê Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho anh Lê Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim T, anh Lê Thanh P phải chịu 1.318.000 đồng đã nộp xong.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (7b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện